

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04/2018/NQ-HĐND

Phú Yên, ngày 13 tháng 7 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định thời gian gửi báo cáo kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán, phân bổ ngân sách và quyết toán ngân sách địa phương; thời gian giao dự toán ngân sách địa phương hàng năm; thời hạn phê chuẩn quyết toán ngân sách cấp xã, cấp huyện và hệ thống mẫu biểu phục vụ lập báo cáo tài chính - ngân sách trên địa bàn tỉnh Phú Yên

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN
KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ 7

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 5 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hàng năm;

Căn cứ Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 04 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết lập kế hoạch tài chính 5 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm;

Xét Tờ trình số 53/TTr-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định thời gian gửi báo cáo kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán, phân bổ ngân

sách và quyết toán ngân sách địa phương; thời gian giao dự toán ngân sách địa phương hàng năm; thời hạn phê chuẩn quyết toán ngân sách cấp xã, cấp huyện và hệ thống mẫu biểu phục vụ lập báo cáo tài chính - ngân sách trên địa bàn tỉnh Phú Yên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định thời gian gửi báo cáo kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán, phân bổ ngân sách và quyết toán ngân sách địa phương; thời gian giao dự toán ngân sách địa phương hàng năm; thời hạn phê chuẩn quyết toán ngân sách cấp xã, cấp huyện và hệ thống mẫu biểu phục vụ lập báo cáo tài chính - ngân sách trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên Khóa VII, Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 23 tháng 7 năm 2018./.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Tấn Việt

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Quy định thời gian gửi báo cáo kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán, phân bổ ngân sách và quyết toán ngân sách địa phương; thời gian giao dự toán ngân sách địa phương hàng năm; thời hạn phê chuẩn quyết toán ngân sách cấp xã, cấp huyện và hệ thống mẫu biểu phục vụ lập báo cáo tài chính - ngân sách trên địa bàn tỉnh Phú Yên

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định thời gian Ủy ban nhân dân các cấp gửi đến Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban Kinh tế -Ngân sách (Ban Kinh tế- Xã hội) của Hội đồng nhân dân cùng cấp các báo cáo: Kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán, phân bổ ngân sách địa phương hằng năm, nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách và quyết toán ngân sách địa phương; thời gian giao dự toán ngân sách địa phương của Ủy ban nhân dân các cấp cho các cơ quan, đơn vị và ngân sách địa phương cấp dưới; thời hạn phê chuẩn quyết toán ngân sách cấp xã, cấp huyện và hệ thống biểu mẫu phục vụ lập báo cáo tài chính - ngân sách trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

2. Đối tượng áp dụng

a) Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp; Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã.

b) Ủy ban nhân dân các cấp.

c) Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và các cơ quan, đơn vị, tổ chức khác có liên quan.

Điều 2. Quy định này quy định thời gian Ủy ban nhân dân các cấp gửi đến Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban Kinh tế -Ngân sách (Ban Kinh tế- Xã hội) của Hội đồng nhân dân cùng cấp các báo cáo: Kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán, phân bổ ngân sách địa phương hằng năm, nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách và quyết toán ngân sách địa phương; thời gian giao dự toán ngân sách địa phương của Ủy ban

nhân dân các cấp cho các cơ quan, đơn vị và ngân sách địa phương cấp dưới; thời hạn phê chuẩn quyết toán ngân sách xã, phường, thị trấn (*sau đây viết tắt là cấp xã*), huyện, thị xã, thành phố (*sau đây viết tắt cấp huyện*)

1. Thời gian gửi báo cáo Kế hoạch tài chính 05 năm địa phương; kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương.

a) Ủy ban nhân dân tỉnh gửi báo cáo Kế hoạch tài chính 05 năm địa phương giai đoạn sau đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 9 Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết lập kế hoạch tài chính 5 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm; đến Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và Hội đồng nhân dân tỉnh trước ngày 25 tháng 11 năm thứ năm của giai đoạn trước.

b) Ủy ban nhân dân các cấp gửi báo cáo kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách địa phương đến Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã và Hội đồng nhân dân cùng cấp trước ngày 25 tháng 11 năm thứ năm của giai đoạn trước.

2. Thời gian gửi báo cáo Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương.

Ủy ban nhân dân tỉnh gửi báo cáo kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương đến Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và Hội đồng nhân dân tỉnh để tham khảo khi thảo luận, xem xét, thông qua dự toán ngân sách và phương án phân bổ ngân sách địa phương hằng năm, trước ngày 25 tháng 11 năm hiện hành.

3. Thời gian gửi báo cáo dự toán, phương án phân bổ ngân sách địa phương hằng năm.

a) Ủy ban nhân dân tỉnh (UBND cấp tỉnh) gửi báo cáo về dự toán, phương án phân bổ ngân sách địa phương hằng năm đến Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân và Hội đồng nhân dân tỉnh, trước ngày 25 tháng 11 năm hiện hành.

b) Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (UBND cấp huyện) gửi báo cáo về dự toán, phương án phân bổ ngân sách địa phương hằng năm đến Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân cấp huyện, Thường trực Hội đồng nhân dân và Hội đồng nhân dân cấp huyện, trước ngày 05 tháng 12 năm hiện hành.

c) Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (UBND cấp xã) gửi báo cáo về dự toán, phương án phân bổ ngân sách địa phương hằng năm đến Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân cấp xã, Thường trực Hội đồng nhân dân và Hội đồng nhân dân cấp xã, trước ngày 15 tháng 12 năm hiện hành.

4. Thời gian giao dự toán ngân sách địa phương của Ủy ban nhân dân các cấp cho các cơ quan, đơn vị và ngân sách địa phương cấp dưới.

a) UBND cấp tỉnh: Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

b) UBND cấp huyện: Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày Nghị quyết Hội đồng nhân dân cấp huyện thông qua.

c) UBND cấp xã: Trước ngày 31 tháng 12 của năm trước.

5. Thời gian gửi báo cáo quyết toán ngân sách địa phương.

a) Ủy ban nhân dân các cấp gửi báo cáo quyết toán ngân sách địa phương đến Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã, đồng thời gửi cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp.

UBND cấp tỉnh: Trước ngày 01 tháng 10 năm sau.

UBND cấp huyện: Trước ngày 01 tháng 5 năm sau.

UBND cấp xã: Trước ngày 01 tháng 4 năm sau.

b) Ủy ban nhân dân các cấp báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết toán ngân sách địa phương để cho ý kiến trước khi trình Hội đồng nhân dân: Chậm nhất là 15 ngày làm việc trước ngày khai mạc kỳ họp của Hội đồng nhân dân phê chuẩn báo cáo quyết toán ngân sách cấp mình.

6. Thời hạn phê chuẩn quyết toán ngân sách cấp xã, cấp huyện và thời gian Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện gửi báo cáo quyết toán ngân sách đã phê chuẩn.

a) Thời hạn Hội đồng nhân dân cấp xã, cấp huyện phê chuẩn quyết toán ngân sách năm trước của cấp mình: tại kỳ họp Hội đồng nhân dân thường kỳ giữa năm sau (sau năm quyết toán ngân sách).

b) Thời gian Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã gửi báo cáo quyết toán đã được Hội đồng nhân dân cùng cấp phê chuẩn cho Ủy ban nhân dân, cơ quan tài chính cấp trên: Chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày báo cáo quyết toán ngân sách được phê chuẩn.

Điều 3. Hệ thống biểu mẫu phục vụ lập báo cáo tài chính - ngân sách của các cơ quan, đơn vị gửi cơ quan tài chính, Ủy ban nhân dân cấp trên và Hội đồng nhân dân cùng cấp

1. Biểu mẫu phục vụ lập kế hoạch tài chính 05 năm địa phương: Áp dụng theo các biểu mẫu số 01; 02 quy định tại Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ.

2. Biểu mẫu phục vụ lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương: Áp dụng theo các biểu mẫu số 03; 04; 05; 06 quy định tại Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ.

3. Biểu mẫu phục vụ lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương: Áp dụng từ biểu mẫu số 07 đến biểu mẫu số 11 quy định tại Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ; từ biểu mẫu số 01 đến biểu mẫu số 06 quy định tại Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

4. Biểu mẫu phục vụ báo cáo dự toán, phân bổ dự toán ngân sách địa phương hàng năm: Áp dụng từ biểu mẫu số 15 đến biểu mẫu số 47 quy định tại Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ.

5. Biểu mẫu phục vụ lập dự toán ngân sách nhà nước: Áp dụng từ biểu mẫu số 23 đến biểu mẫu số 27, từ biểu mẫu số 28 đến biểu mẫu số 35 quy định tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

6. Biểu mẫu phục vụ báo cáo quyết toán ngân sách: Áp dụng từ biểu mẫu số 48 đến biểu mẫu số 64 quy định tại Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3

năm 2017 của Chính phủ; biểu từ biểu số 60 đến biểu số 70 quy định tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
(Phụ lục hệ thống biểu mẫu kèm theo Quy định)

CHỦ TỊCH

Huỳnh Tấn Việt

PHỤ LỤC
HỆ THỐNG BIỂU MẪU

(Kèm theo Quy định số: 04/2018/NQ-HĐND ngày 13/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên)

Số hiệu mẫu biểu	Nội dung mẫu biểu
A. Các mẫu biểu phục vụ lập kế hoạch tài chính 3 năm, 5 năm, đầu tư công trung hạn 5 năm	
I. Các mẫu biểu theo ND số 31/2017/ND-CP	
	Kế hoạch tài chính 05 năm địa phương
Biểu mẫu số 01	Dự báo một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu giai đoạn...
Biểu mẫu số 02	Kế hoạch tài chính - ngân sách giai đoạn 05 năm...
	Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương
Biểu mẫu số 03	Dự kiến phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 05 năm...
Biểu mẫu số 04	Tổng hợp dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước của các cơ quan, đơn vị và địa phương giai đoạn 05 năm...
Biểu mẫu số 05	Danh mục chương trình, dự án dự kiến bố trí kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn trong nước giai đoạn 05 năm...
Biểu mẫu số 06	Danh mục chương trình, dự án dự kiến bố trí kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn nước ngoài (vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài) giai đoạn 05 năm...
	Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương
Biểu mẫu số 07	Dự kiến cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 03 năm...
Biểu mẫu số 08	Dự kiến thu ngân sách nhà nước theo lĩnh vực giai đoạn 03 năm...
Biểu mẫu số 09	Dự kiến cân đối nguồn thu, chi ngân sách cấp tỉnh và ngân sách huyện giai đoạn 03 năm...
Biểu mẫu số 10	Dự kiến chi ngân sách cấp tỉnh theo cơ cấu chi giai đoạn 03 năm...
Biểu mẫu số 11	Dự kiến kế hoạch đầu tư vốn ngân sách địa phương giai đoạn 03 năm...
II. Các mẫu biểu theo Thông tư số 69/2017/TT-BTC	
	Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương
Biểu mẫu số 01	Dự báo một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu giai đoạn 03 năm ...
Biểu mẫu số 02	Biểu Tổng hợp dự toán thu nsnn năm giai đoạn...
Biểu mẫu số 03	Dự kiến thu cân đối ngân sách nhà nước theo sắc thuế giai đoạn 03 năm...
Biểu mẫu số 04	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 03 năm...
Biểu mẫu số 05	Kế hoạch vay và trả nợ ngân sách cấp tỉnh giai đoạn 03 năm...
Biểu mẫu số 06	Dự kiến nhu cầu, nguồn và số bổ sung chi thực hiện cải cách tiền lương

B. Các mẫu biểu phục vụ báo cáo lập dự toán và phân bổ dự toán ngân sách địa phương.**I. Các mẫu biểu theo ND số 31/2017/ND-CP**

Biểu mẫu số 15	Cân đối ngân sách địa phương năm...
Biểu mẫu số 16	Dự toán thu ngân sách nhà nước theo lĩnh vực năm...
Biểu mẫu số 17	Dự toán chi ngân sách địa phương theo cơ cấu chi năm...
Biểu mẫu số 18	Bội chi và phương án vay - trả nợ ngân sách địa phương năm ...
Biểu mẫu số 30	Cân đối nguồn thu, chi dự toán ngân sách cấp tỉnh (huyện) và ngân sách huyện (xã)....
Biểu mẫu số 31	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn từng huyện (xã) năm
Biểu mẫu số 32	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn từng huyện (xã) theo lĩnh vực năm
Biểu mẫu số 33	Dự toán chi ngân sách địa phương, chi ngân sách cấp tỉnh (huyện) và chi ngân sách huyện (xã) theo cơ cấu chi năm
Biểu mẫu số 34	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh (huyện, xã) theo lĩnh vực năm
Biểu mẫu số 35	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh (huyện, xã) cho từng cơ quan, tổ chức theo lĩnh vực năm
Biểu mẫu số 36	Dự toán chi đầu tư phát triển của ngân sách cấp tỉnh (huyện, xã) cho từng cơ quan, tổ chức theo lĩnh vực năm
Biểu mẫu số 37	Dự toán chi thường xuyên của chi ngân sách cấp tỉnh (huyện, xã) cho từng cơ quan, tổ chức theo lĩnh vực năm
Biểu mẫu số 38	Dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia ngân sách cấp tỉnh (huyện) và ngân sách huyện (xã) năm
Biểu mẫu số 39	Dự toán thu, chi ngân sách địa phương và số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới năm
Biểu mẫu số 40	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương năm
Biểu mẫu số 41	Dự toán chi ngân sách địa phương từng huyện (xã) năm ...
Biểu mẫu số 42	Dự toán bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh (huyện) cho ngân sách huyện (xã) năm ...
Biểu mẫu số 43	Dự toán bổ sung có mục tiêu vốn đầu tư từ ngân sách cấp tỉnh (huyện) cho ngân sách huyện (xã) để thực hiện chương trình mục tiêu năm ...
Biểu mẫu số 44	Dự toán bổ sung có mục tiêu vốn sự nghiệp từ ngân sách cấp tỉnh (huyện) cho ngân sách huyện (xã), để thực hiện các chế độ, nhiệm vụ và chính sách theo quy định năm ...
Biểu mẫu số 45	Kế hoạch tài chính của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý năm...
Biểu mẫu số 46	Danh mục các chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước năm ...
Biểu mẫu số 47	Kế hoạch thu dịch vụ của đơn vị sự nghiệp công năm ... (không

	bao gồm nguồn NSNN)
II. Mẫu biểu theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC	
	Mẫu biểu lập dự toán chi đầu tư phát triển
Mẫu biểu số 23	Dự toán chi đầu tư nguồn NSNN (vốn trong nước) năm...
Mẫu biểu số 24	Dự toán chi đầu tư từ nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi theo phương thức cấp phát từ NSTW (không bao gồm vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước) năm...
Mẫu biểu số 25	Dự toán chi đầu tư từ nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi theo phương thức cấp phát (giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước) năm....
Mẫu biểu số 26	Dự toán chi đầu tư từ nguồn vốn NSTW bổ sung có mục tiêu cho NSDP (vốn trong nước) năm....
Mẫu biểu số 27	Tổng hợp dự toán chi đầu tư phát triển năm...
	Mẫu biểu lập dự toán ngân sách địa phương
Mẫu biểu số 28	Một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội cơ bản năm...
Mẫu biểu số 29.1	Cân đối NSDP năm... (dùng cho năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách)
Mẫu biểu số 29.2	Cân đối NSDP năm... (dùng cho các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách)
Mẫu biểu số 30	Kế hoạch vay và trả nợ ngân sách tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương năm...
Mẫu biểu số 31	Biểu tổng hợp dự toán thu NSNN năm...
Mẫu biểu số 32	Biểu tổng hợp dự toán chi NSDP năm....
Mẫu biểu số 33	Tình hình thực hiện các dự án đầu tư sử dụng vốn NSTW bổ sung có mục tiêu cho NSDP (vốn trong nước) năm... và dự kiến kế hoạch năm...
Mẫu biểu số 34	Tình hình thực hiện các dự án đầu tư từ vốn ODA và vốn vay ưu đãi kế hoạch năm... và dự kiến kế hoạch năm....
Mẫu biểu số 35	Dự toán thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ của đơn vị sự nghiệp công lập năm...
C. Các mẫu biểu phục vụ lập quyết toán ngân sách	
I. Các mẫu biểu theo ND số 31/2017/ND-CP	
Biểu mẫu số 48	Quyết toán cân đối ngân sách địa phương năm...
Biểu mẫu số 49	Quyết toán cân đối nguồn thu, chi ngân sách cấp tỉnh (huyện) và ngân sách huyện (xã) năm...
Biểu mẫu số 50	Quyết toán nguồn thu ngân sách nhà nước trên địa bàn theo lĩnh vực năm...
Biểu mẫu số 51	Quyết toán chi ngân sách địa phương theo lĩnh vực năm....
Biểu mẫu số 52	Quyết toán chi ngân sách cấp tỉnh (huyện, xã) theo lĩnh vực năm....
Biểu mẫu số 53	Quyết toán chi ngân sách địa phương, chi ngân sách cấp tỉnh (huyện) và chi ngân sách huyện (xã) theo cơ cấu chi năm...

Biểu mẫu số 54	Quyết toán chi ngân sách cấp tỉnh (huyện, xã) cho từng cơ quan, tổ chức theo lĩnh vực năm...
Biểu mẫu số 55	Quyết toán chi đầu tư phát triển của ngân sách cấp tỉnh (huyện, xã) cho từng cơ quan, tổ chức theo lĩnh vực năm...
Biểu mẫu số 56	Quyết toán chi thường xuyên của ngân sách cấp tỉnh (huyện, xã) cho từng cơ quan, tổ chức theo lĩnh vực năm...
Biểu mẫu số 57	Tổng hợp quyết toán chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh (huyện, xã) của từng cơ quan, tổ chức theo nguồn vốn năm...
Biểu mẫu số 58	Quyết toán chi ngân sách địa phương từng huyện (xã) năm...
Biểu mẫu số 59	Quyết toán chi bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh (huyện) cho ngân sách từng huyện (xã) năm...
Biểu mẫu số 60	Quyết toán thu ngân sách huyện (xã) năm...
Biểu mẫu số 61	Quyết toán chi chương trình mục tiêu quốc gia năm...
Biểu mẫu số 62	Quyết toán vốn đầu tư các chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước năm...
Biểu mẫu số 63	Tổng hợp các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý năm...
Biểu mẫu số 64	Tổng hợp thu dịch vụ của đơn vị sự nghiệp công năm.... (không bao gồm nguồn ngân sách nhà nước)
II. Mẫu biểu theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC	
Mẫu biểu số 60	Cân đối quyết toán ngân sách địa phương năm....
Mẫu biểu số 61	Quyết toán thu NSNN, vay NSDP năm...
Mẫu biểu số 62	Quyết toán chi ngân sách địa phương năm....
Mẫu biểu số 63	Quyết toán thu NSNN, vay NSDP theo mục lục ngân sách nhà nước năm...
Mẫu biểu số 64	Quyết toán chi, trả nợ NSDP theo mục lục ngân sách nhà nước năm...
Mẫu biểu số 65	Quyết toán chi chương trình mục tiêu theo mục lục ngân sách nhà nước năm....
Mẫu biểu số 66	Thuyết minh tăng, giảm chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể năm....
Mẫu biểu số 67	Thuyết minh chi khắc phục hậu quả thiên tai năm....
Mẫu biểu số 68	Thuyết minh tình hình sử dụng nguồn dự phòng, tăng thu và thưởng vượt dự toán thu ngân sách năm....
Mẫu biểu số 69	Báo cáo tình hình kiểm toán, thanh tra năm....
Mẫu biểu số 70	Báo cáo chi chuyển nguồn sang năm sau năm....